

NGHỊ QUYẾT

Chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng. Thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2018 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Lai Châu,

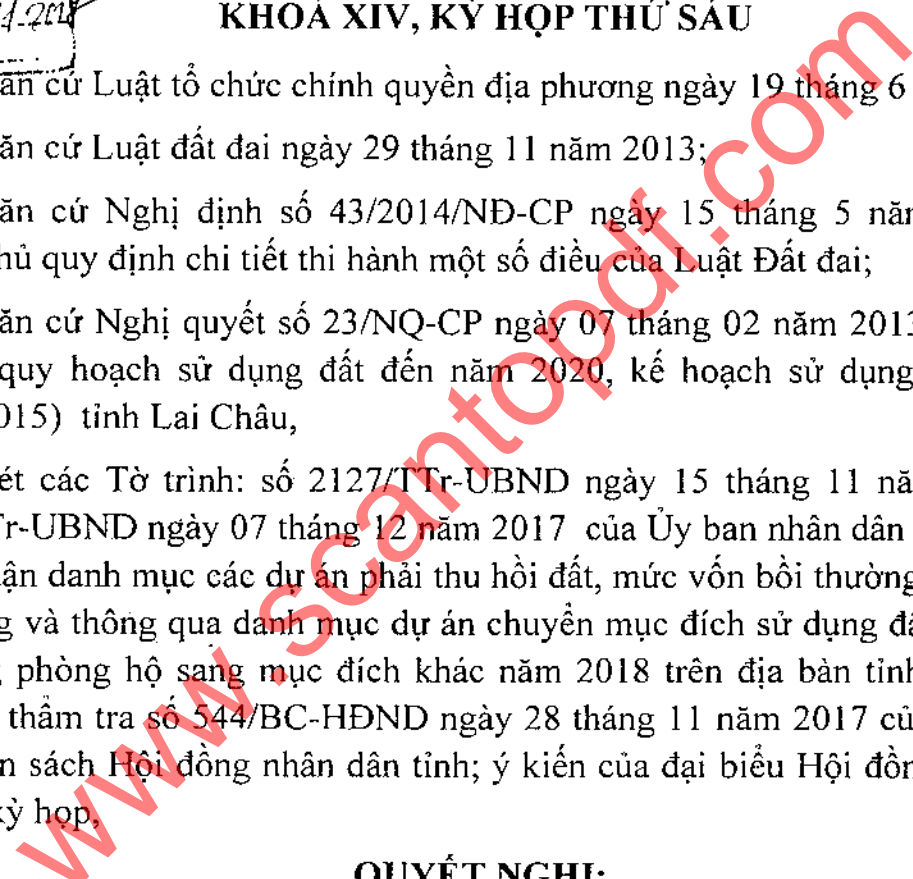
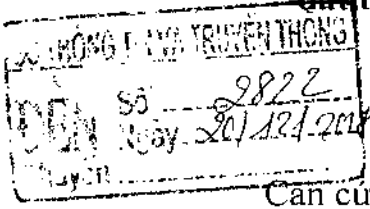
Xét các Tờ trình: số 2127/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2017; số 2242/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 544/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng và thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2018 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của các huyện, thành phố để thực hiện 96 công trình, dự án: 246,86 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp 202,64 ha; đất phi nông nghiệp 30,21 ha; đất chưa sử dụng 14,01 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng của 62 công trình, dự án sử dụng ngân sách Nhà nước với tổng kinh phí dự kiến là 98.598 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo)



2. Danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác là: 63 công trình, dự án, với diện tích: 74,62 ha. Trong đó: Đất trồng lúa 68,97 ha; đất rừng phòng hộ 5,65 ha.

(Chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Trường hợp có thay đổi mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai thực hiện các dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XIV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ THU HỒI ĐẤT NĂM 2018
TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
I	Huyện Than Uyên						
A	Dự án đầu tư công		60,16	49,94	6,74	3,48	35.418
1	Kè bảo vệ khu dân cư, đất nông nghiệp suối Nậm Bốn xã Hua Nà, huyện Than Uyên	Xã Hua Nà	59,28	49,32	6,74	3,22	35.418
2	Trường PTDT bán trú tiểu học xã Tà Mung	Xã Tà Mung	3,50	3,44	0,06		3.500
3	Trường mầm non số 2 xã Ta Gia (điểm trung tâm mới) (bổ sung)	Xã Ta Gia	0,50	0,50			600
4	Trường mầm non số 2 điểm trường Sáp Ngựa 2 xã Phúc Than	Xã Phúc Than	0,65	0,65			200
5	Đường giao thông bản Pá Khoang 1 đi Pá Khoang 2 xã Tà Hừa	Các xã: Tà Hừa, Pha Mu	0,08	0,08			100
6	Nâng cấp đường giao thông nông thôn bản Mũi đi Tà Lôm xã Khoen On (hạng mục mặt đường, hệ thống thoát nước)	Xã Khoen On	4,50	4,50			600
7	Nâng cấp đường giao thông nông thôn 279 đi Hua Chít (hạng mục mặt đường, hệ thống thoát nước)	Xã Tà Hừa	3,05	3,05			500
8	Đường giao thông bản Pá Khoang đi Pa Chít Tầu xã Tà Hừa (mặt đường, rãnh thoát nước)	Các xã: Tà Hừa, Pha Mu	2,72	2,72			450
9	Nâng cấp đường QL 32 -Tre Bó -Sa Ngà - Bản Mường huyện Than Uyên (bổ sung diện tích, địa điểm)	Các xã: Phúc Than, Mường Mít	1,73	1,73			350
10	Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít (bổ sung diện tích)	Xã Tà Hừa	5,29	0,99	4,28	0,02	5.000
11	Đường giao thông liên xã Tà Mung đi Khoen On (bổ sung diện tích, địa điểm)	Các xã: Khoen On, Tà Mung	11,77	10,97		0,80	500
12	Nâng cấp đường GTNT bản Mỡ đi Noong Quang xã Khoen On (bổ sung diện tích)	Xã Khoen On	10,43	9,23	0,20	1,00	603
13	Trần liên hợp + Đường nội đồng bản Phường - bản Nà Mã - bản Nà Ban (bổ sung diện tích)	Xã Hua Nà	5,20	3,20	1,00	1,00	600
14	Xây dựng khu di tích lịch sử văn hóa bản Lướt (bổ sung diện tích)	Xã Mường Kim	1,40	0,70	0,50	0,20	300
15	Đất ở đội 9 (San gạt tạo quỹ đất ở đội 9 xã Phúc Than), (bổ sung diện tích)	Xã Phúc Than	1,36	1,21		0,15	6.000
16	Dự án tạo quỹ đất ở, chỉnh trang đô thị khu 10 (điều chỉnh, bổ sung diện tích)	TT Than Uyên	0,08	0,08			350
17	Cầu dân sinh Pá Khoang (bổ sung diện tích)	Xã Pha Mu	0,15	0,15			500
18	Dự án chỉnh trang đô thị khu 5A-7B (dự án xây dựng khu dân cư 5A-7B thị trấn Than Uyên)	TT. Than Uyên	0,27	0,22		0,05	265
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,88	0,62	0,70	0,26	15.000
19	Đường dây 110 kV Nậm Mỡ - Mường Kim	Xã Mường Kim	0,88	0,62		0,26	Ngoài NSNN
II	Huyện Tân Uyên		44,75	39,28	0,97	4,50	4.500
A	Dự án đầu tư công		44,19	38,93	0,76	4,50	4.500
1	Trường Tiểu học Tà Hừa, xã Hồ Mít, điểm trường Mít Nội, H. Tân Uyên	Xã Hồ Mít	0,31	0,30	0,01		400

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
2	Đường Bán Lầu - Tà Hủ	Xã Hồ Mít	6,00	4,90	0,10	1,00	1.000
3	Đường Nậm Sô - Ui Đạo - Ui Thái	Xã Nậm Sô	28,00	24,90	0,10	3,00	2.000
4	Đường giao thông vào suối nước nóng Nà Ban	Xã Thân Thuộc	4,05	4,00	0,05		300
5	Đường QL32 - Mít Nội - Bản Thào	Các xã: Pắc Tà, Hồ Mít	5,83	4,83	0,50	0,50	800
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,56	0,35	0,21		
6	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: CQT Thân Thuộc I, UB Thân Thuộc, Mường Khoa, Mường Khoa 6, CQT Mường Khoa, huyện Tân Uyên.	TT Tân Uyên	0,04	0,01	0,03		Ngoài NSNN
		Xã Trung Đồng	0,06	0,04	0,02		
		Xã Pắc Tà	0,06	0,04	0,02		
		Xã Mường Khoa	0,05	0,03	0,02		
	Xã Phúc Khoa	0,08	0,06	0,02			
7	Mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 - sử dụng vốn dự	Xã Pắc Tà	0,27	0,17	0,10		Ngoài NSNN
III	Huyện Tam Đường		21,17	16,66	4,06	0,45	3.635
A	Dự án đầu tư công		20,64	16,26	3,93	0,45	3.635
1	Nâng cấp cải tạo đường giao thông liên xã Bình Lư - Nà Tâm - Ban Bò	Xã Ban Bò	0,33		0,33		500
2	Đường nội đồng Bản Nà Luông, xã Nà Tâm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tâm	0,26	0,26			
3	Đường nội đồng bản Nà Tâm - Nà Văn, xã Nà Tâm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tâm	0,96	0,96			
4	Mở mới đường nội đồng bản Huổi Ke	Xã Sơn Bình	0,12	0,12			
5	Mở mới tuyến đường nội đồng bản Cò Nọt + Huổi Ke	Xã Sơn Bình	0,15	0,15			
6	Dự án Cầu dân sinh Nà Cờ, xã Bản Giang, huyện Tam Đường (điều chỉnh diện tích)	Xã Bản Giang	0,23	0,13	0,05	0,05	135
7	Nhà văn hóa bản Hua Bó	Xã Sơn Bình	0,03	0,03			
8	Nhà văn hóa bản 46	Xã Sơn Bình	0,03	0,03			
9	Nhà Văn hóa bản Sân Bay	TT Tam Đường	0,03	0,02	0,01		
10	Nhà Văn hóa bản Thác Cạn	TT Tam Đường	0,02	0,01	0,01		
11	Nhà văn hóa bản Sin Chải	Xã Sùng Phái	0,03		0,03		
12	Đường giao thông từ Thên Sin đến bản Sin Câu và Pan Khèo, huyện Tam Đường	Xã Thên sin	16,56	12,66	3,50	0,40	3.000
13	Đường Liên Bản Coóc Cường - Nà Kiêng - Nà Luông, xã Nà Tâm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tâm	0,44	0,44			
14	Mở mới nền đường nội đồng bản Phiêng Giăng, xã Nà Tâm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tâm	0,86	0,86			
15	Đường ra khu sản xuất liên bản Lờ Thàng I, II và Sin Câu, xã Thên Sin	Xã Thên Sin	0,46	0,46			
16	Nhà văn hóa bản Lờ Thàng II	Xã Thên Sin	0,03	0,03			
17	Đường nội đồng bản Phìn Chải, xã Giang Ma	Xã Giang Ma	0,10	0,10			
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,53	0,40	0,13		
18	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Bản Bò 2, Đông Pao, Nà Văn, Phiêng Giăng, Chu Va 6, Chu Va 8, Chu Va 12, Ngải Thầu thấp, Huyện Tam Đường.	TT Tam Đường	0,06	0,03	0,03		Ngoài NSNN
		Xã Ban Bò	0,08	0,06	0,02		
		Xã Bản Hòn	0,12	0,10	0,02		
		Xã Nà Tâm	0,08	0,06	0,02		
		Xã Sơn Bình	0,10	0,08	0,02		
	Xã Khun Há	0,09	0,07	0,02			
IV	Thành phố Lai Châu		20,14	18,01	2,10	0,03	22.070



STT	Tên dự án	Địa điểm dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2		4=5+6+7	5	6	7	8
A	Dự án đầu tư công		19,92	17,93	1,96	0,03	22.070
1	Cải tạo đường Thanh Niên	P. Tân Phong	1,60	1,60			1.500
2	Đường nối QL.4Đ đến nhà máy gạch Tuynel cũ phường Đoàn Kết (điều chỉnh diện tích)	P. Đoàn Kết	0,28	0,05	0,20	0,03	1.800
3	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố (Điều chỉnh, bổ sung diện tích)	P. Quyết Tiến	0,08	0,02	0,06		15.000
		P. Đoàn Kết	1,66	1,34	0,32		
		P. Đông Phong	1,84	1,49	0,35		
		P. Tân Phong	0,69	0,69			
		Xã San Thành	10,11	9,28	0,83		
4	Hệ thống thoát nước khu vực tổ 11, phường Đoàn Kết. lý trình KM0+297 đến KM0+620	P. Quyết Thắng	0,10		0,10		720
5	Mặt bằng và HTKT giãn dân xã Nậm Loóng, trong đó: Đất ở 2,5 ha; đất giao thông 0,5 ha	P. Đoàn Kết	0,50	0,40	0,10		3.000
6	Nhà văn hóa bản Tả Sin Chải 2	Xã Nậm Loóng	2,50	2,50			50
6		P. Đông Phong	0,50	0,50			Ngoài NSNN
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,06	0,06			
7	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: SA, TT thương mại, 2A MR. 6 ĐĐIA. 8-10, thành phố Lai Châu	P. Tân Phong	0,22	0,08	0,14		
		P. Tân Phong	0,06	0,02	0,04		
		P. Quyết Tiến	0,05	0,02	0,03		
		P. Quyết Thắng	0,05	0,02	0,03		
V	Huyện Phong Thổ		0,06	0,02	0,04		
A	Dự án đầu tư công		25,98	17,34	7,49	1,15	3.616
1	Đầu tư xây dựng công trình (GD2) Khu KTQP Phong Thổ/QK2 (Hạng mục: Đường từ trung tâm bản Sánh Sáng A đi bản San Cha đến bản Ma Can (GD1))	Các xã: Dao San, Tung Qua Lin	25,53	17,06	7,32	1,15	3.616
2	Đường QL100 - bản Hoàng Thên (giai đoạn 2)	Xã Hoàng Thên	15,10	12,55	2,10	0,45	2.576
3	Nâng cấp đường GTNT QL 12 - bản Ma Ly Pho	Xã Ma Ly Pho	2,70	1,10	1,50	0,10	
4	Đầu tư xây dựng công trình (GD2) Khu KTQP Phong Thổ/QK2 (Hạng mục: Thủy lợi bản Sín Chải)	Xã Mù Sang	4,50	1,90	2,45	0,15	
5	Đầu tư xây dựng công trình (GD2) Khu KTQP Phong Thổ/QK2 (Hạng mục: Hệ thống cung cấp NSH xã Pa Vây Sứ)	Các xã: Pa Vây Sứ, Vàng Ma Chải	0,52	0,35	0,17		90
6	Thủy Lợi Bản Mẫu		2,00	0,90	0,75	0,35	650
7	Trường PTDT BT THCS Pa Vây Sứ, H. Phong Thổ	Xã Nậm Xe	0,60	0,15	0,35	0,10	
B	Dự án ngoài đầu tư công	Xã Pa Vây Sứ	0,11	0,11			300
8	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Nậm Xe, Huổi Luông3, Tây Sơn huyện Phong Thổ		0,45	0,28	0,17		Ngoài NSNN
		Xã Nậm Xe	0,09	0,06	0,03		
		Xã Huổi Luông	0,09	0,06	0,03		
		Xã Mường Sô	0,09	0,06	0,03		
9	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: ĐBP Vàng Ma Chải, và cấp điện cho mỏ đồng Mù Sang H. Phong Thổ	Xã Mù Sang	0,09	0,06	0,03		Ngoài NSNN
	Xã Vàng Ma Chải	0,09	0,04	0,05			
VI	Huyện Sìn Hồ		6,13	5,10	0,38	0,65	3.779
A	Dự án đầu tư công		5,50	4,65	0,20	0,65	3.779
1	Trạm y tế xã Pa Tấn	Xã Pa Tấn	0,10	0,05		0,05	300
2	Trạm y tế xã Nậm Hân	Xã Nậm Hân	0,20	0,10		0,10	200
3	NC, SC Trạm y tế xã Làng Mỏ	Xã Làng Mỏ	0,05	0,05			150
4	Đường và bản Trị Xoang	Xã Tả Phìn	0,15	0,10	0,05		250

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
5	Nâng cấp đường Lao Hu San - Nậm Phìn 1+2	Xã Cấn Co	0,55	0,44		0,11	100
6	Đường ngã ba Noong Hèo - bản Noong Om 1+2	Xã Noong Hèo	0,14	0,08	0,05	0,01	89
7	Đường Lũng Sừ Phìn - Suối Ngang Thàng	Xã Tả Ngáo	0,48	0,40		0,08	250
8	Đường TT xã đến bản Nậm Bó	Xã Lũng Thàng	1,35	1,25	0,10		750
9	Đường Nậm Mạ Thái - Ma Quai Thàng	Xã Ma Quai	1,80	1,50		0,30	800
10	Thủy lợi Noong Hèo	Xã Noong Hèo	0,15	0,15			300
11	Thủy lợi Nậm Béo	Xã Pu Sam Cáp	0,10	0,10			120
12	Nước sinh hoạt bản Nà Tầm 3	Xã Nậm Tầm	0,10	0,10			120
13	Thủy lợi Há Khua - Sang Trung Ma	Xã Xả Dề Phìn	0,21	0,21			100
14	Trường tiểu học Tủa Sín Chải, H. Sín Hồ	Xã Tủa Sín Chải	0,12	0,12			250
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,63	0,45	0,18		
15	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: UB Làng Mỏ, Chăn Nưa 1, Tả Ngáo, Sín Hồ 1, H. Sín Hồ.	TT Sín Hồ	0,06	0,04	0,02		Ngoài NSNN
		Xã Hồng Thu	0,07	0,05	0,02		
		Xã Làng Mỏ	0,08	0,06	0,02		
		Xã Chăn Nưa	0,07	0,05	0,02		
16	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: Nậm Cuối, TT Nậm Tầm, Nậm Mạ 1 và cấp điện cho Mô đồng Nậm Cha huyện Sín Hồ.	Xã Tả Ngáo	0,07	0,05	0,02		Ngoài NSNN
		Xã Nậm Cuối	0,08	0,06	0,02		
		Xã Nậm Tầm	0,06	0,04	0,02		
		Xã Nậm Cha	0,07	0,05	0,02		
	Xã Nậm Mạ	0,07	0,05	0,02			
VII	Huyện Nậm Nhùn		32,65	29,77	2,00	0,88	9.884
A	Dự án đầu tư công		31,48	28,68	2,00	0,80	9.884
1	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Nậm Nhùn	TT. Nậm Nhùn	0,30	0,30			400
2	Trường PT dân tộc bán trú THCS Trung Chải (Bổ sung)	Xã Trung Chải	1,02	1,02			1.050
3	Đường Pá Bón - Pá Sập - Pá Đôn - Nậm Sập	Xã Nậm Pi	5,00	5,00			2.000
4	Đường TT xã Hua Bùm - Pa Cheo (Bổ Sung)	Xã Hua Bùm	1,00	1,00			500
5	Thủy lợi Nậm Chá	Xã Nậm Chá	2,00	2,00			500
6	Thủy lợi Pê Ngái 1+2 (bổ sung diện tích, địa điểm)	Xã Pú Dao	4,30	3,50		0,80	1.505
7	Thủy lợi Mì Mu, xã Hua Bùm (Gđ 2)	Xã Hua Bùm	1,00	1,00			500
8	Hỗ trợ đèn bù GPMB, san gạt mặt bằng và di chuyển điểm sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Đanh xã Nậm Hàng (bổ sung diện tích)	Xã Nậm Hàng	4,94	4,94			2.000
9	Bố trí sắp xếp dân cư bản Nậm Cây, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	7,67	6,17	1,50		894
10	Bố trí sắp xếp dân cư bản Nậm Sập, xã Nậm Pi ra khỏi vùng có nguy cơ thiên tai	Xã Nậm Pi	4,25	3,75	0,50		535
B	Dự án ngoài đầu tư công		1,17	1,09		0,08	
11	Xuất tuyến 110 kV sau TBA 500 kV Lai Châu	Xã Nậm Hàng	0,10	0,10			Ngoài NSNN
12	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường dây 220 kV Mường Tè - Lai Châu	TT. Nậm Nhùn, các xã: Nậm Hàng, Mường Mỏ	1,07	0,99		0,08	Ngoài NSNN
VIII	Huyện Mường Tè		6,86	6,22	0,14	0,50	
A	Dự án đầu tư công		0,50			0,50	
1	Nâng cấp mặt đường rãnh thoát nước tuyến Pa Vệ Sủ - Dền Thàng	Xã Pa Vệ Sủ	0,50			0,50	
B	Dự án ngoài đầu tư công		6,36	6,22	0,14		
2	Xây dựng Trạm biến áp 220kV Mường Tè	Xã Vàng Sơn	5,81	5,81			Ngoài NSNN



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
3	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA. Pắc Ma, Thu Lôm, Nậm Đình, Gò Cừ- Huyện Mường Tè	Xã Thu Lôm	0,05	0,04	0,01		Ngoài NSNN
		Xã Mường Tè	0,06	0,04	0,02		
		Xã Pa Vệ Sứ	0,08	0,06	0,02		
		Xã Tả Tông	0,08	0,06	0,02		
		Xã Mù Cà	0,10	0,08	0,02		
		Xã Vàng san	0,08	0,05	0,03		
XIX	Dự án cơ sở dụng đất từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên		29,02	20,32	6,33	2,37	15.696
A	Dự án đầu tư công		27,45	19,21	5,87	2,37	15.696
1	Dự án thành phần 4, tỉnh Lai Châu (LC:04-DAĐT1) thuộc hợp phần cầu - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương LRAMP 1. Huyện Than Uyên, gồm các cầu: Bàn Lá 1+2, Ên Luông, Hát Nam, bản Lun 1-bản Lun 2, Nậm Mờ, Huổi Cây; 2. Huyện Tân Uyên, gồm các cầu: Nà An, bản Mường 1, Nà Lào, Nà Cai, Hồ Sơ, Nậm Số 2, Nà Ui, Phiêng Khon, Hua Cán, Nà Ún, Nà Săng, Hoàng Hà, Nà Ngò; 3. Huyện Tam Đường, gồm các cầu: Rừng Ói, Bản Hòn 1,2, Nậm Ún, Tè Suối Ngải, Chu Vu 6, Nà Hiêng; 4. Huyện Sin Hồ, gồm các cầu: Nậm Ngập, Vàng Bon, Lũng Thàng 1, Pa Có - Pú Mạ, Pán Ngòi, Nậm Béo, Pa Tân - Nậm Sào, Nậm Hái 1, Nậm Hái 2, Nậm Khăm 1, Cản Ma 2, Bản Hang, Nậm Hân - Hua Pha, Pa Tân 4	Xã Mường Kim, H. Than Uyên	0,49	0,34	0,10	0,05	250
		Xã Mường Than, H. Than Uyên	0,42	0,30	0,08	0,04	250
		Xã Mường Mít, H. Than Uyên	0,63	0,44	0,13	0,06	250
		Xã Tả Mung, H. Than Uyên	0,49	0,34	0,10	0,05	250
		Xã Tả Mung, H. Than Uyên	0,50	0,35	0,10	0,05	250
		Xã Tả Gia, H. Than Uyên	0,46	0,32	0,09	0,05	250
		Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên	0,59	0,41	0,12	0,06	300
		Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên	0,54	0,38	0,11	0,05	250
		Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên	0,63	0,44	0,13	0,06	300
		Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên	0,47	0,33	0,09	0,05	200
		Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên	0,46	0,32	0,09	0,05	200
		Xã Nậm Sơ, H. Tân Uyên	0,54	0,38	0,16		250
		Xã Nậm Sơ, H. Tân Uyên	0,48	0,34	0,14		250
		Xã Nậm Sơ, H. Tân Uyên	0,50	0,35	0,15		250
		Xã Nậm Sơ, H. Tân Uyên	0,54	0,38	0,16		250
		Xã Nậm Cán, H. Tân Uyên	0,46	0,32	0,14		250
		Xã Pắc Ta, H. Tân Uyên	0,46	0,32	0,09	0,05	250
		Xã Pắc Ta, H. Tân Uyên	0,47	0,33	0,14		250
		Xã Pắc Ta, H. Tân Uyên	0,50	0,35	0,15		250
		Xã Hồ Thầu, H. Tam Đường	0,46	0,32	0,09	0,05	200
		Xã Bản Hòn, H. Tam Đường	0,47	0,33	0,09	0,05	300
		Xã Bình Lư, H. Tam Đường	0,54	0,38	0,11	0,05	250
		TT Tam Đường, H. Tam Đường	0,49	0,34	0,10	0,05	200
		Xã Sơn Bình, H. Tam Đường	0,46	0,32	0,09	0,05	250
		Xã Nà Tầm, H. Tam Đường	0,63	0,44	0,13	0,06	300
		Xã Nậm Cha, H. Sin Hồ	0,50	0,35	0,10	0,05	250
		Xã Lũng Thàng, H. Sin Hồ	0,50	0,35	0,10	0,05	250
		Xã Lũng Thàng, H. Sin Hồ	0,48	0,29	0,14	0,05	350
		Xã Nậm Cuối, H. Sin Hồ	0,51	0,36	0,10	0,05	200
		Xã Noong Héo, H. Sin Hồ	0,53	0,38	0,10	0,05	250
Xã Pú Sam Cáp, H. Sin Hồ	0,47	0,32	0,10	0,05	250		
Xã Pa Tân, H. Sin Hồ	0,63	0,44	0,13	0,06	300		
Xã Tả Phìn, H. Sin Hồ	0,42	0,30	0,08	0,04	250		
Xã Tả Phìn, H. Sin Hồ	0,44	0,31	0,09	0,04	250		

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
		Xã Tá Ngáo, H. Sin Hồ	0,44	0,31	0,09	0,04	250
		Xã Nậm Hân, H. Sin Hồ	0,46	0,32	0,09	0,05	250
		Xã Nậm Hân, H. Sin Hồ	0,47	0,33	0,09	0,05	250
		Xã Nậm Hân, H. Sin Hồ	0,46	0,32	0,09	0,05	200
		Xã Pa Tân, H. Sin Hồ	0,47	0,33	0,09	0,05	200
		Xã Sin Súi Hồ, H. Phong Thổ	0,20	0,14	0,04	0,02	156
		Xã Sin Súi Hồ, H. Phong Thổ	0,19	0,13	0,04	0,02	185
		Xã Bản Lang, H. Phong Thổ	0,24	0,17	0,05	0,02	165
		Xã Bản Lang, H. Phong Thổ	0,24	0,17	0,05	0,02	137
		Xã Bản Lang, H. Phong Thổ	0,24	0,17	0,05	0,02	165
		Xã Huổi Luông, H. Phong Thổ	0,24	0,17	0,05	0,02	170
		Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn	0,22	0,16	0,04	0,02	150
		Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn	0,26	0,18	0,05	0,03	160
		Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn	0,24	0,17	0,05	0,02	170
		Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn	0,22	0,15	0,04	0,03	165
		TT. Nậm Nhùn, H. Nậm Nhùn	0,21	0,15	0,04	0,02	179
		Xã Nậm Mạnh, H. Nậm Nhùn	0,21	0,15	0,04	0,02	180
		Xã Nậm Mạnh, H. Nậm Nhùn	0,21	0,15	0,04	0,02	196
		Xã Nậm Mạnh, H. Nậm Nhùn	0,21	0,15	0,04	0,02	178
		Xã Nậm Mạnh, H. Nậm Nhùn	0,21	0,15	0,04	0,02	136
		Xã Nậm Hàng, H. Nậm Nhùn	0,22	0,15	0,04	0,03	146
		Xã Nậm Chà, H. Nậm Nhùn	0,25	0,19	0,04	0,02	158
		Xã Nậm Chà, H. Nậm Nhùn	0,26	0,18	0,05	0,03	168
		Xã Nậm Chà, H. Nậm Nhùn	0,24	0,17	0,05	0,02	178
		Xã Nậm Chà, H. Nậm Nhùn	0,25	0,18	0,05	0,02	185
		Xã Pa Vệ Sứ, H. Mường Tè	0,26	0,18	0,05	0,03	156
		Xã Pa Vệ Sứ, H. Mường Tè	0,20	0,14	0,04	0,02	175
		Xã Pa Vệ Sứ, H. Mường Tè	0,24	0,17	0,05	0,02	180
		Xã Mường Tè, H. Mường Tè	0,22	0,15	0,05	0,02	176
		Xã Mường Tè, H. Mường Tè	0,26	0,18	0,05	0,03	186
		Xã Ka Lăng, H. Mường Tè	0,21	0,15	0,04	0,02	190
		Xã Ka Lăng, H. Mường Tè	0,24	0,17	0,05	0,02	150
		Xã Ka Lăng, H. Mường Tè	0,19	0,14	0,03	0,02	168
		Xã Ka Lăng, H. Mường Tè	0,22	0,15	0,05	0,02	186
		Xã Pa Ủ, H. Mường Tè	0,24	0,17	0,05	0,02	176
		Xã Pa Ủ, H. Mường Tè	0,24	0,17	0,05	0,02	190
		Xã Pa Ủ, H. Mường Tè	0,24	0,17	0,05	0,02	165
		Xã Bum Nưa, H. Mường Tè	0,23	0,16	0,05	0,02	186
		Xã Bum Nưa, H. Mường Tè	0,22	0,15	0,05	0,02	170
		Xã Bum Nưa, H. Mường Tè	0,22	0,15	0,05	0,02	165
B	Dự án ngoài đầu tư công		1,57	1,11	0,46		
3	Chống quá tải, giám bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: Nà Hè, Vàng San, Huổi Cuông - Huyện Mường Tè và TBA	Xã Lê Lợi, H. Nậm Nhùn	0,12	0,09	0,03		Ngoài NSNN
		Xã Vàng san, H. Mường Tè	0,08	0,05	0,03		



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng số	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
	Nhà máy giấy-huyện Nậm Nhùn.	Xã Bum Nưa, H. Mường Tè	0.10	0,08	0,02		
		P. Tân Phong, TP Lai Châu	0.06	0,02	0,04		
		P. Đông Phong, TP Lai Châu	0.05	0,02	0,03		
		P. Quyết Tiến, TP Lai Châu	0.05	0,02	0,03		
		P. Quyết Thắng, TP Lai Châu	0.06	0,02	0,04		
		Xã Nậm Lòong, TP Lai Châu	0.07	0,05	0,02		
		Xã San Thàng, TP Lai Châu	0.07	0,05	0,02		
		Xã Lán Nhi Thàng, H. Phong Thổ	0.15	0,13	0,02		
		Xã Nàng Nàng, H. Tam Đường	0.09	0,08	0,01		
		Xã Lê Lợi, H. Nậm Nhùn	0.12	0,09	0,03		
4	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: 8A, Bàn Mới, Pha Lìn, Chợ Nậm Lòong, TĐC 1.1, Sùng Chồ, Sùng Phài, Bản Lũng Cù thành phố Lai Châu	Các xã: Thu Lùm, MTè, Pa Vệ Sừ, Tả Tông, Mù Cà, Vàng San, Bum Nưa, H. Mường Tè	0.55	0,41	0,14		Ngoài NSNN
5	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: Nà Hè, Pác Ma, Thu Lùm, Nậm Dính, Phi Chi A, UB Pa Vệ Sừ, Vàng San, Huổi Cường, Gia Tè, Gò Cừ - H. Mường Tè và TBA Nhà máy Giấy H. Nậm Nhùn						Ngoài NSNN
96	Tổng cộng		246,86	202,64	30,21	14,01	98.598

www.scantopdf.com

www.scantopdf.com

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

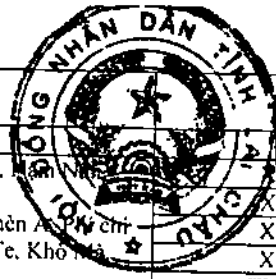
STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)		
			Tổng 4=5+6	Đất trồng lúa 5	Đất rừng phòng hộ 6
I	Huyện Than Uyên				
A	Dự án đầu tư công		5,06	5,06	
1	Kè bảo vệ khu dân cư, đất nông nghiệp suối Nậm Bôn xã Hua Nả, huyện Than Uyên	Xã Hua Nả	1,30	1,30	
2	Trường PTDT bán trú tiểu học xã Tà Mung	Xã Tà Mung	0,50	0,50	
3	Trường mầm non số 2 xã Ta Gia (điểm trung tâm mới) (bổ sung)	Xã Ta Gia	0,35	0,35	
4	Trường mầm non số 2 điểm trường Sáp Ngựa 2 xã Phúc Than	Xã Phúc Than	0,02	0,02	
5	Đường giao thông bản Pá Khoang 1 đi Pá Khoang 2 xã Tà Hừa	Các xã: Tà Hừa, Pha Mu	0,10	0,10	
6	Nâng cấp đường giao thông nông thôn bản Mũi đi Tà Lôm xã Khoen On (hạng mục mặt đường, hệ thống thoát nước)	Xã Khoen On	0,15	0,15	
7	Nâng cấp đường giao thông nông thôn 279 đi Hua Chít (hạng mục mặt đường, hệ thống thoát nước)	Xã Tà Hừa	0,17	0,17	
8	Đường giao thông bản Pá Khoang đi Pa Chít Tầu xã Tà Hừa (mặt đường, rãnh thoát nước)	Các xã: Tà Hừa, Pha Mu	0,13	0,13	
9	Nâng cấp đường QL 32 - Tre Bó - Sa Ngà - Bản Mường huyện Than Uyên (bổ sung diện tích, địa điểm)	Xã Mường Mít	0,58	0,58	
10	Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít (bổ sung diện tích)	Xã Tà Hừa	0,07	0,07	
11	Xây dựng khu di tích lịch sử văn hóa bản Lướt (bổ sung diện tích)	Xã Mường Kim	0,70	0,70	
12	Cầu dân sinh Pá Khoang (bổ sung diện tích)	Xã Pha Mu	0,02	0,02	
13	Dự án chỉnh trang đô thị khu 5A-7B (dự án xây dựng khu dân cư 5A-7B thị trấn Than Uyên)	TT. Than Uyên	0,87	0,87	
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,10	0,10	
14	Đường dây 110 kV Nậm Mỡ - Mường Kim	Xã Mường Kim	0,10	0,10	
II	Huyện Tân Uyên		8,22	7,37	0,85
A	Dự án đầu tư công		8,10	7,25	0,85
1	Đường Bản Lâu - Tà Hứ	Xã Hồ Mít	1,60	1,60	
2	Đường Nậm Sỏ - Ui Đạo - Ui Thái	Xã Nậm Sỏ	4,50	4,50	
3	Đường giao thông vào suối nước nóng Nà Ban	Xã Thân Thuộc	1,00	1,00	
4	Đường QL32 - Mít Nội - Bản Thào	Các xã: Pắc Ta, Hồ Mít	1,00	0,15	0,85
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,12	0,12	
5	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: CQT Thân Thuộc 1, UB Thân Thuộc, Mường Khoa, Mường Khoa 6, CQT Mường Khoa, huyện Tân Uyên.	TT Tân Uyên			
		Xã Trung Đông	0,02	0,02	
		Xã Pắc Ta	0,02	0,02	
		Xã Mường Khoa	0,02	0,02	
6	Mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 - sử dụng vốn dự	Xã Phúc Khoa	0,03	0,03	
		Xã Pắc Ta	0,03	0,03	
III	Huyện Tam Đường				
A	Dự án đầu tư công		2,52	2,52	
			2,38	2,38	

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất (ha)		
			Tổng 4=5+6	Đất trồng lúa 5	Đất rừng phòng hộ 6
1	Đường nội đồng bản Nà Luông, xã Nà Tầm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tầm	0,26	0,26	
2	Đường nội đồng bản Nà Tầm - Nà Văn, xã Nà Tầm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tầm	0,96	0,96	
3	Mở mới đường nội đồng bản Huổi Ke	Xã Sơn Bình	0,12	0,12	
4	Mở mới tuyến đường nội đồng bản Cò Nọt + Huổi Ke	Xã Sơn Bình	0,15	0,15	
5	Dự án Cầu dân sinh Nà Cơ, xã Bản Giang, huyện Tam Đường (điều chỉnh diện tích)	Xã Bản Giang	0,07	0,07	
6	Đường giao thông từ Thèn Sin đến bản Sin Cầu và Pan Khèo, huyện Tam Đường	Xã Thèn sin	0,60	0,60	
7	Đường Liên Bản Coóc Cường - Nà Kiêng - Nà Luông, xã Nà Tầm, huyện Tam Đường	Xã Nà Tầm	0,14	0,14	
8	Đường ra khu sản xuất liên bản Lờ Thàng I, II và Sin Cầu, xã Thèn Sin	Xã Thèn Sin	0,05	0,05	
9	Nhà văn hóa bản Lờ Thàng II	Xã Thèn Sin	0,03	0,03	
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,14	0,14	
10	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Bản Bò 2, Đông Pao, Nà Văn, Phiêng Giàng, Chu Va 6, Chu Va 8, Chu Va 12, Ngòi Thầu thấp, Huyện Tam Đường.	TT Tam Đường	0,01	0,01	
		Xã Bản Bò	0,02	0,02	
		Xã Bản Hòn	0,04	0,04	
		Xã Nà Tầm	0,02	0,02	
		Xã Sơn Bình	0,03	0,03	
IV	Thành phố Lai Châu	Xã Khun Há	0,02	0,02	
A	Dự án đầu tư công		10,60	10,60	
1	Hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố (Điều chỉnh, bổ sung diện tích)	P. Đoàn Kết	0,72	0,72	
		P. Đông Phong	0,56	0,56	
		P. Tân Phong	0,32	0,32	
		Xã San Thàng	8,00	8,00	
		P. Quyết Thắng			
2	Mặt bằng và HTKT giãn dân xã Nậm Loông, trong đó: Đất ở 2,5 ha; đất giao thông 0,5 ha	Xã Nậm Loông	1,00	1,00	
V	Huyện Phong Thổ		6,79	1,99	
A	Dự án đầu tư công		6,70	1,90	4,80
1	Đầu tư xây dựng công trình (GD2) Khu KTQP Phong Thổ/QK2 (Hạng mục Đường từ trung tâm bản Sênh Sáng A đi bản San Cha đến bản Ma Cán (GD1))	Các xã: Đâu San, Tung Qua Lin	6,25	1,75	4,50
2	Đầu tư xây dựng công trình (GD2) Khu KTQP Phong Thổ/QK2 (Hạng mục: Thủy lợi bản Sin Chải)	Xã Mù Sang	0,20	0,10	0,10
3	Đầu tư xây dựng công trình (GD2) Khu KTQP Phong Thổ/QK2 (Hạng mục: Hệ thống cung cấp NSH xã Pa Vây Sứ)	Các xã: Pa Vây Sứ, Vàng Ma Chải	0,25	0,05	0,20
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,09	0,09	
4	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Nậm Xe, Huổi Luông3, Tây Sơn H. Phong Thổ	Xã Nậm Xe	0,02	0,02	
		Xã Huổi Luông	0,02	0,02	
		Xã Mường So	0,02	0,02	
5	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: ĐBP Vàng Ma Chải, và cấp điện cho mỏ đồng Mù Sang huyện Phong Thổ	Xã Mù Sang	0,02	0,02	
		Xã Vàng Ma Chải	0,01	0,01	
VI	Huyện Sin Hồ		1,23	1,23	



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất (ha)		
			Tổng 4=5+6	Đất trồng lúa 5	Đất rừng phòng hộ 6
A	Dự án đầu tư công		1,11	1,11	
1	Đường và bản Trại Xoang	Xã Tả Phìn	0,10	0,10	
2	Nâng cấp đường Lao Hu San - Nậm Phìn 1+2	Xã Cán Co	0,04	0,04	
3	Đường ngã ba Noong Hèo - bản Noong Om 1+2	Xã Noong Hèo	0,04	0,04	
4	Đường TT xã đến bản Nậm Bó	Xã Lũng Thàng	0,15	0,15	
5	Đường Nậm Mạ Thái - Ma Quai Thàng	Xã Ma Quai	0,50	0,50	
6	Thủy Lợi Noong Hèo	Xã Noong Hèo	0,15	0,15	
7	Thủy lợi Há Khua - Sang Trung Ma	Xã Xá Dê Phìn	0,01	0,01	
8	Trường tiểu học Tủa Sín Chải, H. Sín Hồ	Xã Tủa Sín Chải	0,12	0,12	
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,12	0,12	
9	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: UB Làng Mô, Chăn Nua1, Tả Ngáo, Sín Hồ1 huyện Sín Hồ	Xã Hồng Thu	0,02	0,02	
		Xã Làng Mô	0,02	0,02	
		Xã Chăn Nua	0,02	0,02	
10	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: Nậm Cuối, TT Nậm Tầm, Nậm Mạ 1 và cấp điện cho Mô đồng Nậm Cha huyện Sín Hồ.	Xã Tả Ngáo	0,01	0,01	
		Xã Nậm Cuối	0,02	0,02	
		Xã Nậm Tầm	0,01	0,01	
		Xã Nậm Cha	0,01	0,01	
		Xã Nậm Mạ	0,01	0,01	
VII	Huyện Nậm Nhùn		13,03	13,03	
A	Dự án đầu tư công		13,00	13,00	
1	Đường Pá Bon - Pá Sập - Pá Đôn - Nậm Sập	Xã Nậm Pi	4,50	4,50	
2	Đường TT xã Hua Bùm - Pa Cheo (Bô Sung)	Xã Hua Bùm	1,00	1,00	
3	Thủy lợi Nậm Chả	Xã Nậm Chả	2,00	2,00	
4	Thủy lợi Pê Ngải 1+2 (bổ sung diện tích, địa điểm)	Xã Pú Đao	3,50	3,50	
5	Thủy lợi Mí Mu, xã Hua Bùm (Gđ 2)	Xã Hua Bùm	1,00	1,00	
6	Bổ trí sắp xếp dân cư bản Nậm Sập, xã Nậm Pi	Xã Nậm Hàng	0,25	0,25	
7	Bổ trí sắp xếp dân cư bản Nậm Sập, xã Nậm Pi ra khỏi vùng có nguy cơ thiên tai	Xã Nậm Pi	0,75	0,75	
B	Dự án ngoài đầu tư công		0,03	0,03	
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường dây 220 kV Mường Tè - Lai Châu	TT. Nậm Nhùn, các xã: Nậm Hàng, Mường Mô	0,03	0,03	
VIII	Huyện Mường Tè		4,84	4,84	
B	Dự án ngoài đầu tư công		4,84	4,84	
1	Xây dựng Trạm biến áp 220kV Mường Tè	Xã Vàng San	4,65	4,65	
2	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA, Pác Ma, Thu Lùm, Nậm Đinh, Gò Cừ- Huyện Mường Tè	Xã Thu Lùm	0,03	0,03	
		Xã Mường Tè	0,02	0,02	
		Xã Pa Vệ Sứ	0,02	0,02	
		Xã Tả Tông	0,03	0,03	
		Xã Mù Cà	0,03	0,03	
		Xã Vàng san	0,02	0,02	
		Xã Bùm Nưa	0,04	0,04	
XIX	Dự án có sử dụng đất từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên		22,33	22,33	
A	Dự án đầu tư công		12,52	12,52	
1	Dự án thành phần 4, tỉnh Lai Châu (LC:04-DADT1) thuộc hợp phần cầu - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa	Xã Mường Kim, H. Than Uyên Xã Mường Than, H. Than Uyên	0,27 0,21	0,27 0,21	

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)		
			Tổng 4=5+6	Đất trồng lúa 5	Đất rừng phòng hộ 6
1	<p>phương LRAMP</p> <p>1. Huyện Than Uyên, gồm các cầu: Bản Là 1+2, Ên Luông, Hát Nam, bản Lun 1-bản Lun 2, Nậm Mỡ, Huổi Cây;</p> <p>2. Huyện Tân Uyên, gồm các cầu: Nà An, bản Mường 1, Nà Lào, Nà Cai, Hồ Sơ, Nậm Sò 2, Nà Úi, Phiêng Khon, Hua Cẩn, Nà Ún, Nà Săng, Hoàng Hà, Nà Ngò;</p> <p>3. Huyện Tam Đường, gồm các cầu: Rừng Ói, Bản Hon 1,2, Nậm Ún, Tề Suối Ngải, Chu Va 6, Nà Hiêng;</p> <p>4. Huyện Sin Hồ, gồm các cầu: Nậm Ngập, Vàng Bon, Lùng Thàng 1, Pa Cỏ - Pú Mạ, Păn Ngòi, Nậm Béo, Pa Tân - Nậm Sào, Nậm Hải 1, Nậm Hải 2, Nậm Khăm 1, Cẩn Ma 2, Bản Hang, Nậm Hăn - Hua Pha, Pa Tân 4</p>	<p>Xã Mường Mít, H. Than Uyên</p> <p>Xã Tà Mung, H. Than Uyên</p> <p>Xã Tà Mung, H. Than Uyên</p> <p>Xã Tà Gia, H. Than Uyên</p> <p>Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Mường Khoa, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Nậm Sò, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Nậm Sò, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Nậm Sò, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Nậm Sò, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Nậm Cán, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Pác Tà, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Pác Tà, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Pác Tà, H. Tân Uyên</p> <p>Xã Hồ Thầu, H. Tam Đường</p> <p>Xã Bản Hon, H. Tam Đường</p> <p>Xã Bình Lư, H. Tam Đường</p> <p>TT Tam Đường, H. Tam Đường</p> <p>Xã Sơn Bình, H. Tam Đường</p> <p>Xã Nà Tâm, H. Tam Đường</p> <p>Xã Nậm Cha, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Lùng Thàng, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Lùng Thàng, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Nậm Cuối, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Noong Hèo, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Pú Sam Cáp, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Pa Tân, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Tà Phìn, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Tà Phìn, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Tá Ngáo, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Nậm Hăn, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Nậm Hăn, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Nậm Hăn, H. Sin Hồ</p> <p>Xã Pa Tân, H. Sin Hồ</p>	<p>0,32</p> <p>0,25</p> <p>0,23</p> <p>0,23</p> <p>0,28</p> <p>0,17</p> <p>0,31</p> <p>0,13</p> <p>0,21</p> <p>0,32</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,26</p> <p>0,14</p> <p>0,25</p> <p>0,06</p> <p>0,18</p> <p>0,24</p> <p>0,23</p> <p>0,26</p> <p>0,25</p> <p>0,23</p> <p>0,32</p> <p>0,25</p> <p>0,26</p> <p>0,14</p> <p>0,25</p> <p>0,26</p> <p>0,25</p> <p>0,26</p> <p>0,23</p> <p>0,32</p> <p>0,32</p> <p>0,21</p> <p>0,22</p> <p>0,21</p> <p>0,23</p> <p>0,23</p> <p>0,23</p> <p>0,21</p>	<p>0,32</p> <p>0,25</p> <p>0,23</p> <p>0,23</p> <p>0,28</p> <p>0,17</p> <p>0,31</p> <p>0,13</p> <p>0,21</p> <p>0,32</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,26</p> <p>0,14</p> <p>0,25</p> <p>0,06</p> <p>0,18</p> <p>0,24</p> <p>0,23</p> <p>0,26</p> <p>0,25</p> <p>0,23</p> <p>0,32</p> <p>0,25</p> <p>0,26</p> <p>0,14</p> <p>0,25</p> <p>0,26</p> <p>0,25</p> <p>0,26</p> <p>0,23</p> <p>0,32</p> <p>0,32</p> <p>0,21</p> <p>0,22</p> <p>0,21</p> <p>0,23</p> <p>0,23</p> <p>0,23</p> <p>0,21</p>	<p>6</p>
2	<p>Dự án thành phần 5, tỉnh Lai Châu (LC:05-DADT2) thuộc hợp phần cầu - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương LRAMP</p> <p>1. Huyện Phong Thổ, gồm các cầu: Sin Cha Chải, Dền Sung 1, Nà Doong 1, Thèn Thầu 2, C7, Pờ Ngải</p> <p>2. Huyện Nậm Nhùn, gồm các cầu: Nậm Pò, Chang Chảo Pá, Pa Cheo,</p>	<p>Xã Sin Súi Lồ, H. Phong Thổ</p> <p>Xã Sin Súi Hồ, H. Phong Thổ</p> <p>Xã Bản Lang, H. Phong Thổ</p> <p>Xã Bản Lang, H. Phong Thổ</p> <p>Xã Bản Lang, H. Phong Thổ</p> <p>Xã Huổi Luông, H. Phong Thổ</p>	<p>0,04</p> <p>0,04</p> <p>0,05</p> <p>0,05</p> <p>0,05</p> <p>0,05</p>	<p>0,04</p> <p>0,04</p> <p>0,05</p> <p>0,05</p> <p>0,05</p> <p>0,05</p>	



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)			
			Tổng 4=5+6	Đất trồng lúa 5	Đất rừng phòng hộ 6	
1	Pa Mu, bản Nậm Nhùn, Nậm Mạnh, Nậm Pồ, Nậm Pang, Nậm Cây, Pa Chả, Tầng Ngá, Cú Nhảy, Nậm Chả; 3. Huyện Mường Tè, gồm các cầu: Khoang Thèn, Seo Thèn A, B, Nậm Phìn, Vang Thắm, Mò Chó, Thù Tý, Gạ Lô Há Te, Khô Há Si, Ú Ma, Chà Kề, Nà Hừ, Nà Hừ 3, Nà Hừ 2	Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn TT. Nậm Nhùn, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Mạnh, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Mạnh, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Mạnh, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Mạnh, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Hàng, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Chả, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Chả, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Chả, H. Nậm Nhùn Xã Nậm Chả, H. Nậm Nhùn Xã Pa Vệ Sứ, H. Mường Tè Xã Pa Vệ Sứ, H. Mường Tè Xã Pa Vệ Sứ, H. Mường Tè Xã Mường Tè, H. Mường Tè Xã Mường Tè, H. Mường Tè Xã Ka Lăng, H. Mường Tè Xã Ka Lăng, H. Mường Tè Xã Ka Lăng, H. Mường Tè Xã Ka Lăng, H. Mường Tè Xã Pa Ú, H. Mường Tè Xã Pa Ú, H. Mường Tè Xã Pa Ú, H. Mường Tè Xã Bum Nưa, H. Mường Tè Xã Bum Nưa, H. Mường Tè Xã Bum Nưa, H. Mường Tè	0,10 0,12 0,11 0,10 0,10 0,10 0,10 0,10 0,10 0,10 0,13 0,12 0,11 0,11 0,11 0,09 0,11 0,11 0,10 0,11 0,10 0,11 0,10 0,11 0,11 0,11 0,13 0,13 0,13	0,10 0,12 0,11 0,10 0,10 0,10 0,10 0,10 0,10 0,10 0,13 0,12 0,11 0,11 0,11 0,09 0,11 0,11 0,10 0,11 0,10 0,11 0,10 0,11 0,11 0,11 0,13 0,13 0,13		
B	Dự án ngoài đầu tư công		9,81	9,81		
3	Thủy điện Nậm Bùn 2	Xã Hua Bum, H. Nậm Nhùn Xã Bum Nưa, H. Mường Tè	8,25 1,15	8,25 1,15		
4	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: Nà Hè, Vàng San, Huồi Cuông - Huyện Mường Tè và TBA Nhà máy giấy-huyện Nậm Nhùn.	Xã Lê Lợi, H. Nậm Nhùn Xã Vàng san, H. Mường Tè Xã Bum Nưa, H. Mường Tè	0,01 0,02 0,04	0,01 0,02 0,04		
5	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: 8A, Bản Mới, Pha Lìn, Chợ Nậm Loong, TĐC 1.1, Sùng Chồ, Sùng Phái, Bản Lũng Cù thành phố Lai Châu	Xã Nậm Loong, TP Lai Châu Xã San Thàng, TP Lai Châu Xã Lán Nhi Thàng, H. Phong Thổ Xã Nùng Năng, H. Tam Đường Xã Lê Lợi, H. Nậm Nhùn	0,02 0,05 0,04 0,03 0,01	0,02 0,05 0,04 0,03 0,01		
6	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA: Nà Hè, Pắc Ma, Thu Lùm, Nậm Dính, Phi Chi A, UB Pa Vệ Sứ, Vàng San, Huồi Cuông, Gia Tè, Gò Cừ - huyện Mường Tè và TBA Nhà máy Giấy huyện Nậm Nhùn	Các xã: Thu Lùm, Mường Tè, Pa Vệ Sứ, Tả Tông, Mù Cạ, Vàng San, Bum Nưa, H. Mường Tè	0,19	0,19		
63	Tổng cộng		74,62	68,97	5,65	



www.scantopdf.com